

HAND XÃ HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HẠ LANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 204/TTr-UBND

Hạ Lang, ngày 11 tháng 12 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị Quyết định Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2020

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện khóa XIX - Kỳ họp thứ 11

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 68/2016/NQ-HĐND, ngày 08/12/2016 Ban hành quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 thời kỳ ổn định 2017-2020;

Căn cứ Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2020;

Ủy ban nhân dân huyện lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2020 huyện Hạ Lang như sau:

I. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 47.150.000.000 đồng

Trong đó: - Thu ngân sách địa bàn huyện hưởng: 12.888.000.000 đồng
+ Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp: 12.612.000.000 đồng
+ Thu tiền sử dụng đất: 276.000.000 đồng

II. Tổng chi ngân sách địa phương: 461.441.563.000 đồng

1. Chi đầu tư phát triển: 11.112.000.000 đồng
2. Chi thường xuyên: 271.304.000.000 đồng
3. Dự phòng ngân sách: 5.648.000.000 đồng
4. Chi hỗ trợ một số mục tiêu: 24.744.000.000 đồng
5. Chi các Chương trình mục tiêu, dự án: 148.633.563.000 đồng

(Chi tiết có biểu kèm theo)

Ủy ban nhân dân huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện khoá XIX - Kỳ họp thứ 11 xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các thành viên UBND huyện;
- Lưu: VT- TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đoàn Quốc Chính

Số: /NQ-HĐND
(Dự thảo)

Hạ Lang, ngày tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về việc Quyết định Dự toán thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương; Phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN HẠ LANG
KHOÁ XIX, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 68/2016/NQ - HĐND, ngày 08/12/2016 Ban hành quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 thời kỳ ổn định 2017-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2019/NQ-HĐND, ngày 08/9/2019 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức chi công tác phí, mức chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, các tổ chức hội xử dụng kinh phí Ngân sách Nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /12/2019 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2020;

Xét Tờ trình số 204.../TTr-UBND, ngày 11/12/2019 của UBND huyện về việc đề nghị Quyết định Dự toán Ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ Ngân sách địa phương năm 2020;

Sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội HĐND huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân huyện Hạ Lang khoá XIX, kỳ họp thứ 11 nhất trí Dự toán thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2020 huyện Hạ Lang như sau:

I. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:	47.150.000.000 đồng
Trong đó: - Thu ngân sách địa bàn huyện hưởng :	12.888.000.000 đồng
+ Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp:	12.612.000.000 đồng
+ Thu tiền sử dụng đất :	276.000.000 đồng

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN NĂM 2020

(Kèm theo tờ trình số 44/TTr-UBND ngày 11/12/2019 của UBND huyện Hạ Lang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Ước thực hiện năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN					
I	Nguồn thu ngân sách	450.558	449.231	461.441,563		
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	9.699	8.372	12.612		
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	428.015	428.015	448.829,563		
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	242.305	242.305	275.452		
-	Thu bổ sung có mục tiêu	185.710	185.710	173.377,563		
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính (1)					
4	Thu hồi các khoản chi năm trước chuyển sang					
5	Thu kết dư	1.429	1.429			
6	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	11.415	11.415			
II	Chi ngân sách	450.588	449.231	461.441,563		
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	402.727	401.370	410.960,254		
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	47.861	47.861	50.481,309		
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách	47.861	47.861	46.873,821		
-	Chi bổ sung có mục tiêu			3.607,488		
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
III	Bội chi NSĐP/Bội thu NSĐP (1)					

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN, XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2020

(Kèm theo tờ trình số 04/TTr-UBND ngày 11/12/2019 của UBND huyện Hạ Lang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị (1)	Tổng thu NSNN trên địa bàn	I- Thu nội địa (2)	Bao gồm								
				1. Thu từ khu vực DNNN do TW quản lý	2. Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	3. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	4. Thuế thu nhập cá nhân	5. Lệ phí trước bạ	6. Các loại phí, lệ phí	7. Các khoản thu về tài sản, nhà, mặt đất, mặt nước	8. Thu từ cấp quyền khai thác khoáng sản	9. Thu khác
A	B	1	2	3	4	5						
	TỔNG SỐ	47.150	47.150	120	60	8.340	530	2.600	36.193	1.260	700	607
I	Thu ngân sách huyện	46.557	46.557	120	60	8.340	530	2.600	35.700	1.260	700	507
1	Chi cục thuế	45.227	45.227	120	60	8.000	530	2.600	32.347	1.270	300	
2	Đội liên ngành	900	900									900
3	Ủy nhiệm thu	430	430			430						
3.1	Xã Lý Quốc	25	25			25						
3.2	Xã Đồng Loan	20	20			20						
3.3	Xã Việt Chu	15	15			15						
3.4	Thị trấn Thanh Nhật	360	360			360						
3.5	Xã An Lạc	10	10			10						
II	Thu ngân sách xã	593	593						493	0	0	100
1	Minh Long	32	32						26			6
2	Lý Quốc	55	55						45			10
3	Đồng Loan	31	31						26			5
4	Thắng Lợi	30	30						25			5
5	Đức Quang	30	30						25			5
6	Kim Loan	32	32						26			6
7	TTr. Thanh Nhật	150	150						130			20
8	Quang Long	32	32						26			6
9	Thái Đức	32	32						26			6
10	Việt Chu	31	31						26			6
11	Thị Hoa	40	40						25			6
12	Cô Ngân	36	36						32			8
13	Vinh Quý	32	32						30			6
14	An Lạc	30	30						26			6
									25			5

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN,
XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2020**

(Kèm theo tờ trình số 304/TTr-UBND ngày 11/12/2019 của UBND huyện Hạ Lang)

Đơn vị: Nghìn đồng

ST T	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách huyện xã
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NSDP	461.441.563	410.470.254	50.971.309
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	288.064.000	237.092.691	50.971.309
I	Chi đầu tư phát triển (1)	11.312.000	11.312.000	0
1	Chi đầu tư cho các dự án	11.112.000	11.112.000	
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>			
-	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>			
-	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>			
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>			
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>			
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	2.000.000	2.000.000	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
3	Chi đầu tư phát triển khác	200.000	200.000	
II	Chi thường xuyên	271.104.000	220.622.691	50.481.309
	<i>Trong đó:</i>			
1	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	118.299.862	117.724.574	575.288
2	<i>Chi khoa học và công nghệ (2)</i>			
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)			
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)			
V	Dự phòng ngân sách	5.648.000	5.158.000	490.000
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	173.377.563	173.377.563	0
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	148.633.563	148.633.563	
	<i>* Vốn trong nước</i>	<i>112.325.563</i>	<i>112.325.563</i>	
1	CTMT Quốc gia xây dựng nông thôn mới	49.242.000	49.242.000	
2	CTMT Quốc gia giảm nghèo bền vững (30a)	54.816.000	54.816.000	
3	CTMT Quốc gia giảm nghèo bền vững (135)	8.267.563	8.267.563	
	<i>* Vốn nước ngoài (ODA)</i>	<i>36.308.000</i>	<i>36.308.000</i>	
1	CTMT Quốc gia xây dựng nông thôn mới	22.342.000	22.342.000	
2	CTMT Quốc gia giảm nghèo bền vững (135)	13.966.000	13.966.000	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	24.744.000	24.744.000	
1	KP thực hiện các chế độ chính sách lĩnh vực GD	11.554.000	11.554.000	
	+ KP theo ND 86	4.148.000	4.148.000	

	+ KP dự kiến tăng thêm theo NĐ 116	4.894.000	4.894.000	
	+ KP Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ từ 3-5 tuổi	2.512.000	2.512.000	
2	KP thực hiện các chế độ chính sách ĐBXH	1.940.000	1.940.000	
	+ KP HT tiền điện cho hộ nghèo	1.642.000	1.642.000	
	+ KP người uy tín	298.000	298.000	
3	Hỗ trợ KP mua thẻ BHYT cho các đối tượng	7.090.000	7.090.000	
4	HT cán bộ KCT xã, xóm nghỉ việc do sắp xếp đơn vị hành chính	3.800.000	3.800.000	
5	HT nước sinh hoạt theo QĐ 2085/TTg	360.000	360.000	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC NĂM 2020

(Kèm theo tờ trình số 104/Tr-UBND ngày 11/12/2019 của UBND huyện Hạ Lang)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NSDP	461.441.563
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (1)	50.481.309
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	410.960.254
I	Chi đầu tư phát triển (2)	147.341.000
1	Chi đầu tư cho các dự án	147.141.000
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
-	Chi khoa học và công nghệ	
-	Chi quốc phòng	
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	
-	Chi y tế, dân số và gia đình	
-	Chi văn hóa thông tin	
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
-	Chi thể dục thể thao	
-	Chi bảo vệ môi trường	
-	Chi các hoạt động kinh tế	147.141.000
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	
-	Chi bảo đảm xã hội	
-	Chi đầu tư khác	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế,	
3	Chi đầu tư phát triển khác	200.000
II	Chi thường xuyên	258.461.254
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	117.724.574
-	Chi khoa học và công nghệ (3)	
-	Chi quốc phòng	2.548.813
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	178.000
-	Chi y tế, dân số và gia đình	19.740.000
-	Chi văn hóa thông tin	2.791.196
-	Chi bảo vệ môi trường	600.000
-	Chi các hoạt động kinh tế	32.643.450
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	49.515.091
-	Chi bảo đảm xã hội	7.947.691
-	Chi thường xuyên khác	24.772.439
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (3)	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (3)	
V	Dự phòng ngân sách	5.158.000
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	

BIỂU CHI TIẾT
GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

(Kèm theo tờ trình số 304 / TTr-UBND ngày 11 / 12 / 2019 của UBND huyện Hạ Lang)

Đơn vị: nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2020
	TỔNG CỘNG(I+II+III)	461.441.563
I	Chi cân đối ngân sách	288.064.000
1	Chi đầu tư phát triển	11.112.000
	- Chi đầu tư xây dựng cơ bản tập trung vốn trong nước	9.112.000
	- Chi đầu tư từ nguồn thu Xổ số kiến thiết	2.000.000
	- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	
2	Chi thường xuyên	271.304.000
	<i>Đã tính trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên, trích từ nguồn thu để lại 40% học phí bù thực hiện cải cách tiền lương</i>	1.499.425
	a. Chi quốc phòng an ninh	
	- Quốc phòng	
	- An ninh	
	- Chi an ninh quốc phòng xã biên giới	
	- Chi an ninh trật tự xã trọng điểm	
	- Bảo vệ cột mốc biên giới	
	- Chi cho tiểu đội dân quân thường trực	
	- Phụ cấp dân quân tự vệ	
	- Phụ cấp bảo vệ tổ dân phố	
	<i>Trong đó:</i>	
	a. Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề (1)	108.297.000
	b. Chi sự nghiệp hoạt động môi trường	600.000
	c. Chi thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên đường địa phương (đường tỉnh, huyện, xã)	4.396.500
3	Dự phòng ngân sách	5.648.000
II	Chi hỗ trợ một số mục tiêu (2)	24.744.000
	- Hỗ trợ kinh phí học sinh theo NĐ 86	4.148.000
	- Hỗ trợ kinh phí học sinh bán trú theo NĐ 116	4.894.000
	- Hỗ trợ kinh phí ăn trưa đối với trẻ em theo NĐ 06	2.512.000
	- Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội	1.642.000
	- Hỗ trợ kinh phí đối với chính sách người có uy tín	298.000
	- Hỗ trợ kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng	7.090.000
	- Hỗ trợ cb không chuyên trách xã, xóm nghỉ việc do xấp sếp đơn vị hành chính	3.800.000
	- Hỗ trợ nước sinh hoạt theo QĐ 2085	360.000
III	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu để thực hiện các chương trình, dự án nhiệm vụ khác	148.633.563

KÈM CHI TIẾT CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2020

(Kèm theo tờ trình số: 204 /TTr-UBND ngày 11/12/2019 của UBND huyện)

Đơn vị tính: nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2020		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi sự nghiệp
1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ (I+II+III)	159.745.563	136.029.000	23.716.563
I	Chi cân đối Ngân sách địa phương	11.112.000	11.112.000	
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước	9.112.000	9.112.000	
2	Chi đầu tư từ nguồn thu Xổ số kiến thiết	2.000.000	2.000.000	
3	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất			
II	Chi đầu tư thực hiện chương trình mục tiêu và nhiệm vụ			
III	Chi thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia	148.633.563	124.917.000	23.716.563
	<i>Trong đó:</i>			
1	Vốn trong nước	112.325.563	88.609.000	23.716.563
	- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (135)	8.267.563	7.188.000	1.079.563
	- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (30a)	54.816.000	44.082.000	10.734.000
	- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	49.242.000	37.339.000	11.903.000
2	Vốn nước ngoài (ODA)	36.308.000	36.308.000	
	- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (135)	13.966.000	13.966.000	
	- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	22.342.000	22.342.000	
	- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (135)	58.428.896	59.687.333	-1.258.437
	- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (30a)	87.834.833	74.762.833	13.072.000

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2020

(Kèm theo Tờ trình số 204/TTr-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của UBND Huyện Hạ Lang)

Đơn vị: Nghìn đồng

Số TT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi dự phòng
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản			
A	B	1=2+...+16	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ	51.504.309	575.288		403.200	1.901.000		154.000		84.000					47.552.807	344.014	490.000
1	Xã Minh Long	3.808.421	41.092		28.800	221.500		11.000		6.000					3.438.832	26.197	35.000
2	Xã Lý Quốc	4.070.883	41.092		28.800	221.500		11.000		6.000					3.654.997	72.494	35.000
3	Xã Đồng Loan	3.706.490	41.092		28.800	221.500		11.000		6.000					3.339.541	23.557	35.000
4	Xã Thắng Lợi	3.602.532	41.092		28.800	21.500		11.000		6.000					3.435.583	23.557	35.000
5	Xã Đức Quang	3.344.733	41.092		28.800	21.500		11.000		6.000					3.177.784	23.557	35.000
6	Xã Kim Loan	3.350.628	41.092		28.800	21.500		11.000		6.000					3.181.039	26.197	35.000
7	TT Thanh Nhật	3.899.398	41.092		28.800	21.500		11.000		6.000					3.756.006		35.000
8	Xã Quang Long	3.752.853	41.092		28.800	221.500		11.000		6.000					3.384.069	25.392	35.000
9	Xã Việt Chu	3.835.342	41.092		28.800	221.500		11.000		6.000					3.442.197	49.753	35.000
10	Xã Thái Đức	3.671.677	41.092		28.800	221.500		11.000		6.000					3.328.285		35.000
11	Xã Thị Hoa	3.828.315	41.092		28.800	221.500		11.000		6.000					3.435.170	49.753	35.000
12	Xã Cô Ngân	3.757.261	41.092		28.800	221.500		11.000		6.000					3.413.869		35.000
13	Xã Vinh Quý	3.497.896	41.092		28.800	21.500		11.000		6.000					3.330.947	23.557	35.000
14	Xã An Lạc	3.377.880	41.092		28.800	21.500		11.000		6.000					3.234.488		35.000

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ SỐ BỔ SUNG CÂN ĐỐI TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI NĂM 2020

(Kèm theo Tờ trình số 204/TTr-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của UBND Huyện Hạ Lang)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Chia ra		Bổ sung từ ngân sách cấp trên			Chi ngân sách địa phương		
			Thu NSDP hưởng theo phân cấp 100%	Ủy nhiệm thu thuế GTGT từ nguồn thu ngoài QD	Tổng giao bổ sung từ ngân sách cấp trên	Trong đó		Tổng chi ngân sách địa phương	Trong đó	
						Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu		Chi cân đối ngân sách	Chi có mục tiêu
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5=8-1	6	7=8+9	8	9
	TỔNG SỐ	1.023.000	593.000	430.000	50.481.309	46.873.821	3.607.488	51.504.309	47.896.821	3.607.488
1	Xã Minh Long	32.000	32.000		3.776.421	3.433.029	343.392	3.808.421	3.465.029	343.392
2	Xã Lý Quốc	80.000	55.000	25.000	3.990.883	3.647.491	343.392	4.070.883	3.727.491	343.392
3	Xã Đồng Loan	51.000	31.000	20.000	3.655.490	3.312.098	343.392	3.706.490	3.363.098	343.392
4	Xã Thắng Lợi	30.000	30.000		3.572.532	3.429.140	143.392	3.602.532	3.459.140	143.392
5	Xã Đức Quang	30.000	30.000		3.314.733	3.171.341	143.392	3.344.733	3.201.341	143.392
6	Xã Kim Loan	32.000	32.000		3.318.628	3.175.236	143.392	3.350.628	3.207.236	143.392
7	TT Thanh Nhật	510.000	150.000	360.000	3.389.398	3.246.006	143.392	3.899.398	3.756.006	143.392
8	Xã Quang Long	32.000	32.000		3.720.853	3.377.461	343.392	3.752.853	3.409.461	343.392
9	Xã Việt Chu	46.000	31.000	15.000	3.789.342	3.445.950	343.392	3.835.342	3.491.950	343.392
10	Xã Thái Đức	32.000	32.000		3.639.677	3.296.285	343.392	3.671.677	3.328.285	343.392
11	Xã Thị Hoa	40.000	40.000		3.788.315	3.444.923	343.392	3.828.315	3.484.923	343.392
12	Xã Cô Ngân	36.000	36.000		3.721.261	3.377.869	343.392	3.757.261	3.413.869	343.392
13	Xã Vinh Quý	32.000	32.000		3.465.896	3.322.504	143.392	3.497.896	3.354.504	143.392
14	Xã An Lạc	40.000	30.000	10.000	3.337.880	3.194.488	143.392	3.377.880	3.234.488	143.392

